

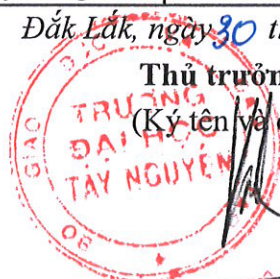
THÔNG BÁO

Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học năm học 2020 -2021

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm (năm học 2020-2021)	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành khoa học xã hội	Triệu đồng/năm	24,5	113,70
	Khối ngành khoa học tự nhiên	Triệu đồng/năm	29,2	135,52
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành khoa học xã hội	Triệu đồng/năm	14,7	30,87
	Khối ngành khoa học tự nhiên	Triệu đồng/năm	17,5	36,75
	Khối ngành Y Dược	Triệu đồng/năm	21,4	44,94
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành khoa học xã hội	Triệu đồng/năm	9,8	45,48
	Khối ngành khoa học tự nhiên	Triệu đồng/năm	11,7	54,30
	Khối ngành Y Dược	Triệu đồng/năm	14,3	110,33
4	Bồi dưỡng kiến thức (đối tượng tuyển thẳng)	Triệu đồng/năm	7,8	7,80
5	Trung học phổ thông	Triệu đồng/năm	0,45	1,49
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Đại học đào tạo theo địa chỉ sử dụng	Triệu đồng/năm		
	Bác sĩ đa khoa	Triệu đồng/năm	41,1	317,11
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khoa Nông Lâm	Triệu đồng/năm	9,4	43,63
	Khoa Sư Phạm	Triệu đồng/năm	9,6	44,55
	Khoa CNTT	Triệu đồng/năm	9,0	41,77
	Khoa Ngoại Ngữ	Triệu đồng/năm	9,3	43,16
	Khoa Y Dược	Triệu đồng/năm	16,8	77,97
	Khoa KHTN&CN	Triệu đồng/năm	9,3	43,16
IV	Tổng thu năm 2019	Tỷ đồng	232,31	
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	74,68	
	Thường xuyên	Tỷ đồng	57,17	
	Không thường xuyên	Tỷ đồng	17,51	
2	Từ học phí, lệ phí	Tỷ đồng	99,98	
3	Từ NCKH và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng	1,59	
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	56,06	

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 6 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



HIỆU TRƯỞNG
TS. Nguyễn Thanh Trúc

